| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **Số: xxx/2023/QĐST-HNGĐ** | *Hà Nội, ngày xx tháng x năm 2023.* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

---

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 397/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 /7/2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" giữa:

Người yêu cầu:

**1- Chị NNM**, sinh ngày xx/x/19xx; Căn cước công dân số 00117402xxxx do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày xx/xx/20xx; HKTT và nơi ở: Số xx NKH, phường TB, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

**2 Anh NTT**, sinh ngày xx/x/19xx; Căn cước công dân số 02607300xxxx do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày xx/xx/20xx ; HKTT và nơi ở: Tổ xx, phường NT, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Chị **NNM** và anh **NTT** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày xx/x/20xx tại UBND phường TB, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Chị **NNM** và anh **NTT** yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ba Đình công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 07/8/2023 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị **NNM** và anh **NTT** có 02 con chung cháu NMK, sinh ngày xx/xx/20xx và cháu NAT, sinh ngày xx/xx/20xx. Cháu NMK đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu NMK cho chị **NNM** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **NTT** có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/1 tháng, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung NMT trưởng thành tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Sau khi ly hôn anh chị sẽ tự lo về chỗ ở.

[4]. Về tài sản và nhà ở chung: Chị **NNM** và anh **NTT** xác nhận không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Chị **NNM** và anh **NTT** xác nhận không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6]. Về lệ phí tòa án: anh **NTT** tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị **NNM** và anh **NTT** .

- Về con chung: Chị **NNM** và anh **NTT** có 02 con chung cháu NMK, sinh ngày xx/xx/20xx và cháu NAT, sinh ngày xx/xx/20xx. Cháu NMK đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu NMK cho chị **NNM** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **NTT** có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/1 tháng, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung NMT trưởng thành  tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

anh **NTT** có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản và nhà ở chung: Chị Nguyễn Ngọc Minh và anh Nguyễn Thế Toàn xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị **NNM** và anh **NTT** không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: anh **NTT** tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí LHST, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0008000 ngày 10/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ba Đình;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký KH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**Thẩm phán**

**Vũ Thị Nguyệt**